

Số: 05/2024/QĐST-DS

Yên Lạc, ngày 25 tháng 6 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

**V/v: Yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản,
phần quyền sử dụng đất để thi hành án”.**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần giải quyết việc dân sự:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Trần Thị Lan

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên họp: Bà Vũ Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 116/2023/TLST-VDS, ngày 29 tháng 11 năm 2023 về việc "Yêu cầu xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất để thi hành án" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2024/QĐST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2024/QĐST-DS, ngày 22 tháng 5 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Phạm Văn T - Chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Địa chỉ: Tổ dân phố 3 Đoàn thị trấn Yên Lạc, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988
2. Anh Trần Văn Q, sinh năm 1983
3. Ông Trần Quang D, sinh năm 1971
4. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973
5. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1973
6. Bà Trần Thị N, sinh năm 1975
7. Ông Trần Quang L, sinh năm 1958
8. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963

Cùng có địa chỉ: Thôn Đ 1, xã V, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

9. Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1965
10. Bà Trần Thị P, sinh năm 1969

11. Ông Trần Văn V, sinh năm 1966

12. Bà Tạ Thị H, sinh năm 1972

Cùng có địa chỉ: Thôn Đ 3, xã V, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc

13. Chị Trần Thị Thúy N, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn Đ 2, xã V, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông D, ông S, bà N, ông L, bà T, ông A, bà P, ông V, bà H và chị N là bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1973, theo các văn bản ủy quyền ngày 03/12/2023.

Có mặt: Ông T, bà H, ông L và chị H. Vắng mặt: Anh Q

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2023/DS-ST ngày 28/02/2023 và các Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 02/2022/QĐCNHGT-DS ngày 08/11/2022; số 05/QĐST-DS ngày 19/09/2022; số 03/2022/QĐCNHGT - DS ngày 08/11/2022; số 01/QĐCNHGT - DS ngày 29/09/2022; số: 05/2023/QĐST-DS ngày 04/04/2023, của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc gồm: Quyết định số 162, 163, 164, 165/QĐ-CCTHADS ngày 16/12/2022; Quyết định số 423, 424/QĐ-CTHADS ngày 13/6/2023. Theo Bản án, Quyết định và các Quyết định thi hành án nêu trên thì chị Nguyễn Thị H phải trả cho chị Trần Thị Thúy N; bà Tạ Thị H, ông Trần Văn V; ông Nguyễn Văn A, bà Trần Thị P; bà Trần Thị N, ông Nguyễn Văn S; bà Nguyễn Thị H, ông Trần Quang D; ông Trần Quang L, bà Nguyễn Thị T, tổng số tiền là 3.433.066.000đ (Ba tỷ, bốn trăm ba mươi ba triệu, không trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Kết quả xác minh của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Yên Lạc thể hiện: Chị Nguyễn Thị H có tài sản chung cùng anh Trần Văn Q là quyền sử dụng thửa đất số 869, tờ bản đồ số 17 diện tích 125m² tại xã V, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường, tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 896696, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CS 01268 ngày 14/01/2019, đứng tên ông Trần Văn Q và bà Nguyễn Thị H. Tài sản trên đất có 01 ngôi nhà xây 02 tầng và 01 tum, diện tích xây dựng khoảng 110m².

Do đó căn cứ Điều 74 Luật Thi hành án dân sự, ông Phạm Văn T - Chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, thông báo cho người được thi hành án, người phải thi hành án và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận và có quyền yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự nhưng các đương sự không thực hiện, do vậy ông Phạm Văn T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của chị Nguyễn Thị H để thi hành án, khối

tài sản chung bao gồm: Thửa đất số 869, tờ bản đồ số 17; tại xã V, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường, tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 896696, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CS 01268 ngày 14/01/2019, đứng tên ông Trần Văn Q và bà Nguyễn Thị H. Theo kết quả đo đạc, thẩm định của Công ty cổ phần khảo sát đo đạc và xây dựng Kim Hoa ngày 25/4/2024 Diện tích 125m² và toàn bộ tài sản trên đất gồm 01 ngôi nhà xây 02 tầng và 01 tum, diện tích xây dựng 258,5m²; mái lợp tôn diện tích 35,2m²; sân gạch 25m²; tường bao loan 20m²; 02 trụ cổng, 04 cánh cổng sắt.

Chị H trình bày: Chị thừa nhận năm 2019, 2022 chị có vay tiền của chị Trần Thị Thúy N; bà Tạ Thị H, ông Trần Văn V; ông Nguyễn Văn A, bà Trần Thị P; bà Trần Thị N, ông Nguyễn Văn S; bà Nguyễn Thị H, ông Trần Quang D; ông Trần Quang L, bà Nguyễn Thị T. Theo các Bản án, Quyết định của Tòa án, tổng số tiền chị phải trả cho các ông, bà nêu trên là 3.433.066.000đ (Ba tỷ, bốn trăm ba mươi ba triệu, không trăm sáu mươi sáu nghìn đồng), cụ thể: ông D nợ bà H là 550.000.000đ; ông L bà T là: 783.066.000đ; ông A bà P là 400.000.000đ; ông V bà H là: 350.000.1000đ; chị N là: 250.000.000đ; ông S bà N là: 1.100.000.000đ. Sau khi Bản án, Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Chị cục Thi hành án đã ra các quyết định thi hành án theo yêu cầu nhưng chị không có tiền để trả cho các ông, bà. Chị không có tài sản riêng, chị có tài sản chung với anh Q là: Diện tích 125m² đất tại thửa đất số 869, tờ bản đồ số 17; tại thôn Đ 1, xã V, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường, tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 896696, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CS 01268 ngày 14/01/2019, đứng tên ông Trần Văn Q và bà Nguyễn Thị H, diện tích đất này do chị và anh Q mua khoảng cuối năm 2018. Tài sản trên đất như ông T trình bày theo biên bản thẩm định định ngày 25/4/2024 là đúng. Chấp hành viên là ông T cũng đã thông báo để chị và anh Q tự phân chia nhưng không phân chia được. Nay ông Phạm Văn T yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất của chị trong khối tài sản chung với anh Q, chị nhất trí, tuy nhiên chị đề nghị để có khối tài sản này anh Q đóng góp công sức nhiều hơn là 2/3, chị 1/3. Toàn bộ tài sản trên, hiện nay do chị và anh Q vẫn đang quản lý và sử dụng, chị khẳng định không mua bán tặng cho bất kỳ ai.

Bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà đồng ý quan điểm trình bày của ông Phạm Văn T và chị H. Bà và những người liên quan đã được ông Phạm Văn T thông báo về việc yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của chị Nguyễn Thị H trong khối tài sản chung với anh Trần Văn Q theo thủ tục tố tụng dân sự nhưng bà không đề nghị. Nay ông T yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của chị H trong khối tài sản chung cùng anh Q là thửa đất số 869, tờ bản đồ số 17, diện tích là 125m² cùng toàn

bộ tài sản trên đất theo kết quả thẩm định ngày 25/4/2024 để thi hành án bà hoàn toàn nhất trí và bà đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên họp sơ thẩm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết và tại phiên họp Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã làm đầy đủ và tuân theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị H, bà H đã chấp hành đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ việc cho đến khi mở phiên họp, anh Q không chấp hành đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ việc cho đến khi mở phiên họp, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo phiên họp lần hai nhưng anh Q vẫn vắng mặt nên đại diện Viện kiểm sát đề nghị giải quyết vắng mặt anh Q.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án căn cứ Điều 74 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi năm 2014); khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm n khoản 2 Điều 39, các điều 361, 370, 371 và Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 207; 210; 213; 219 Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 11 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu của ông Phạm Văn T về việc: Yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án trong khối tài sản chung tại thửa đất số 869, tờ bản đồ số 17, diện tích là 125m² được sở tài nguyên môi trường tỉnh Vĩnh phúc cấp GCN ngày 14/01/2019, mang tên ông Trần Văn Q và bà Nguyễn Thị H và toàn bộ tài sản trên đất gồm 01 ngôi nhà xây 02 tầng và 01 tum, diện tích xây dựng 258,5m²; mái lợp tôn diện tích 35,2m²; sân gạch 25m²; tường bao loan 20m²; 02 trụ cổng, 04 cánh cổng sắt.

Về lệ phí: Các đương sự không phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ việc: Căn cứ Điều 74 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi năm 2014), ông Phạm Văn T là Chấp hành viên – Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc đã Thông báo cho người phải thi hành án, người được thi hành án biết để đề nghị Tòa án phân chia và yêu cầu Tòa án xác định theo quy định của pháp luật nhưng đã hết thời gian quy định người được thi hành án, người phải thi hành án không yêu cầu nên ông Phạm Văn T đã có đơn yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án là chị Nguyễn Thị H. Căn cứ vào

khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm n khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.1] Đối với anh Trần Văn Q quá trình giải quyết vụ việc Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án làm việc trình bày quan điểm về việc Thi hành án yêu cầu xác định phần quyền sở hữu, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án với chị H là thửa đất số 869, tờ bản đồ số 17, diện tích 125m² cùng toàn bộ tài sản trên đất nhưng anh Q đều vắng mặt không có lý do. Để vụ việc giải quyết một cách đầy đủ, khách quan, đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự Tòa án đã nêu toàn bộ nội dung vụ việc để anh Q biết nhưng anh Q vẫn không đến Tòa án trình bày quan điểm và tại phiên họp anh Q vẫn vắng mặt nên theo quy định tại khoản 3 Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành mở phiên họp vắng mặt anh Q.

[2] Xét nội dung yêu cầu của người yêu cầu thấy rằng:

[2.1] Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2023/DS-ST ngày 28/02/2023 và các Quyết định số: 02/2022/QĐCNHGT-DS ngày 08/11/2022; Quyết định số: 05/QĐST-DS ngày 19/09/2022; Quyết định số: 03/2022/ QĐCNHGT - DS ngày 08/11/2022; Quyết định số: 01/QĐCNHGT - DS ngày 29/09/2022; Quyết định số: 05/2023/QĐST-DS ngày 04/04/2023, của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc gồm: Quyết định số: 162, 163, 164, 165/QĐ-CCTHADS ngày 16/12/2022; Quyết định số: 423, 424/QĐ-CTHADS ngày 13/6/2023. Theo Bản án, Quyết định và các Quyết định thi hành án nêu trên thì chị Nguyễn Thị H phải trả cho chị Trần Thị Thúy N; bà Tạ Thị H, ông Trần Văn V; ông Nguyễn Văn A, bà Trần Thị P; bà Trần Thị N, ông Nguyễn Văn S; bà Nguyễn Thị H, ông Trần Quang D; ông Trần Quang L, bà Nguyễn Thị T, tổng số tiền là 3.433.066.000đ (*Ba tỷ, bốn trăm ba mươi ba triệu, không trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*)

[2.2] Tại biên bản về việc xác minh điều kiện thi hành án, biên bản về việc xác minh hiện trạng tài sản của chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lạc lập, cũng như quá trình giải quyết vụ việc chị H thừa nhận thửa đất số 869, tờ bản đồ số 17, diện tích 125m² cùng toàn bộ tài sản trên đất (01 ngôi nhà 02 tầng và 01 tum) là thuộc quyền sử dụng, sở hữu chung của chị và anh Trần Văn Q, toàn bộ diện tích đất này đã được sở tài nguyên môi trường tỉnh Vĩnh phúc cấp GCN ngày 14/01/2019, mang tên vợ chồng anh chị là ông Trần Văn Q và bà Nguyễn Thị H; địa chỉ thửa đất: Xã V, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

[2.3] Qua kết quả xem xét thẩm định ngày 25/4/2024 của Công ty cổ phần khảo sát Đo đạc và xây dựng Kim Hoa, thửa đất số 869, tờ bản đồ số 17 có diện tích là 125m² đúng diện tích, các chiều cạnh được ghi trong Giấy chứng nhận Quyền sử đất mà ông Quát, bà Hạnh được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh

Phúc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/01/2019 cùng tài sản trên đất gồm 01 ngôi nhà xây 02 tầng và 01 tum, diện tích xây dựng 258,5m²; mái lợp tôn diện tích 35,2m²; địa chỉ thửa đất: Xã V, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Các bên đương sự sau khi nhận được kết quả thẩm định đều nhất trí và không có ý kiến gì.

[2.4] Đối với việc định giá tài sản: Quá trình giải quyết vụ việc các đương sự có đơn đề nghị Tòa án định giá tài sản để các đương sự có thể thống nhất được cùng nhau về giá để thỏa thuận cho việc giải quyết vụ việc. Xét việc các đương sự đề nghị Tòa án định giá là tự nguyện, không trái pháp luật. Qua định giá tổng giá trị tài sản của chị H và anh Q là 3.498.180.000đồng.

[2.5] Quá trình giải quyết vụ việc chị H cho rằng toàn bộ tài sản nêu trên là thuộc quyền sở hữu, sử dụng của vợ chồng chị, tuy nhiên để có được khối tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân này, anh Q là người có công sức đóng góp nhiều hơn (2/3) trong tổng số tài sản vì anh Q có thu nhập hàng tháng, chị chỉ có 1/3 trong tổng số tài sản. Xét lời trình bày của chị H thấy rằng: Trước khi ông Phạm Văn T làm đơn yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của chị H trong khối tài sản chung với anh Q, ông T cũng đã Thông báo, hướng dẫn để chị H và anh Q tự phân chia và yêu cầu Tòa án phân chia nhưng chị H và anh Q không thực hiện, do đó việc chị H cho rằng anh Q có 2/3 trong khối tài sản chung là không có căn cứ và căn cứ vào Điều 29 Luật hôn nhân và gia đình, mặt khác toàn bộ tài sản trên của chị H và anh Q nguồn gốc là do anh, chị mua chứ không phải tài sản do thừa kế để lại, do đó cần xác định chị H có 1/2 trong khối tài sản chung với anh Trần Văn Q là thửa đất số 869, tờ bản đồ số 17, diện tích 125 m² cùng toàn bộ tài sản trên đất gồm 01 ngôi nhà xây 02 tầng và 01 tum, diện tích xây dựng 258,5m²; mái lợp tôn diện tích 35,2m²; sân gạch 25m²; tường bao loan 20m²; 02 trụ cổng, 04 cánh cổng sắt là thuộc quyền sử dụng, sở hữu chung của chị và anh Trần Văn Q, toàn bộ diện tích đất này đã được sở tài nguyên môi trường tỉnh Vĩnh phúc cấp GCN ngày 14/01/2019, mang tên vợ chồng anh chị là ông Trần Văn Q và bà Nguyễn Thị H; địa chỉ thửa đất: Xã V, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Về lệ phí: Chấp hành viên không phải chịu lệ phí theo quy định tại khoản 4 Điều 11 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về chi phí xem xét thẩm định, định giá: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H tự nguyện chịu .19.800.000đ (Mười chín triệu tám trăm nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 74 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi năm 2014); khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm n khoản 2 Điều 39, các điều 361, 370, 371 và Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 207; 210; 213; 219 Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 11 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Phạm Văn T Chấp hành viên - Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bà Nguyễn Thị H được hưởng 1/2 và ông Trần Văn Q được hưởng 1/2 tài sản chung là: Quyền sử dụng Thửa đất số 869, tờ bản đồ số 17, diện tích 125 m² cùng toàn bộ tài sản trên đất gồm 01 ngôi nhà xây 02 tầng và 01 tum, diện tích xây dựng 258,5m²; mái lợp tôn diện tích 35,2m²; sân gạch 25m²; tường bao loan 20m²; 02 trụ cổng, 04 cánh cổng sắt; địa chỉ thửa đất: Xã V, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Các đương sự không phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị H xin chịu toàn bộ chi phí tố tụng, xác nhận bà H đã nộp đủ.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Yên Lạc;
- Người yêu cầu;
- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Chi cục THADS H.Yên Lạc;
- Lưu hồ sơ vụ việc.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Trần Thị Lan